

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VINH GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VINH GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH GIA SERVICES AND TRADING PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108953505

3. Ngày thành lập: 22/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 56, Ngõ 57, Phố Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sợi	1311
2.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
3.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
4.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
5.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
6.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
7.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394

8.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính, - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn... - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ, - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí, - Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa, - Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa, - Sản xuất vải bố làm lớp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao, - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng..., - Sản xuất các sản phẩm dệt khác: mạng đèn măng sông, - Sản xuất ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không), - Sản xuất vải lót máy móc, - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn, - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật, - Sản xuất dây giày, - Sản xuất bông đánh phấn và găng tay, - May bao đựng gạo, vắt sỏ quần áo	1399
9.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
10.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
11.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
12.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
13.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
14.	Sản xuất giày, dép	1520
15.	In ấn	1811
16.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
17.	Sao chép bản ghi các loại	1820
18.	Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
19.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
20.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
21.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
22.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
23.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393

24.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
25.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
26.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
27.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
28.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ vàng và kim loại Nhà nước cấm)	2420
29.	Đúc sắt, thép	2431
30.	Đúc kim loại màu (trừ vàng và kim loại Nhà nước cấm)	2432
31.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
32.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
33.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
34.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
35.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
36.	Sản xuất đồng hồ	2652
37.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
38.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
39.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
40.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
41.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
42.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
43.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
44.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
45.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
46.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
47.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
48.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
49.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
50.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
51.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
52.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
53.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
54.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
55.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
56.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
57.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
58.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
62.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
63.	Xây dựng công trình điện	4221
64.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
65.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
66.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
67.	Xây dựng công trình thủy	4291
68.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
69.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
70.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
71.	Phá dỡ	4311
72.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
73.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
74.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
75.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
76.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
77.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
78.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
79.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
80.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
81.	Bán buôn thực phẩm	4632
82.	Bán buôn đồ uống	4633
83.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
84.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641(Chính)

85.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
86.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
87.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
88.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
89.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
90.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
91.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
92.	Bán buôn tổng hợp (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	4690
93.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
94.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
95.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
96.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
97.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
98.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
99.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
100.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
101.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
102.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
103.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

104.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
105.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
106.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
107.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
108.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
109.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
110.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá bán lẻ qua Internet)	4791
111.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
112.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
113.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
114.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
115.	Bốc xếp hàng hóa	5224
116.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
117.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
118.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
119.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
120.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
121.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
122.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
123.	Lập trình máy vi tính	6201
124.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
125.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

126.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
127.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
128.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ viễn thông cơ bản bao gồm: + Dịch vụ thoại; + Dịch vụ fax; + Dịch vụ truyền số liệu; + Dịch vụ truyền hình ảnh; + Dịch vụ nhắn tin; + Dịch vụ hội nghị truyền hình; + Dịch vụ kết nối Internet; + Các dịch vụ viễn thông cơ bản khác (không bao gồm thiết lập mạng viễn thông) Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng bao gồm: + Dịch vụ thư điện tử; + Dịch vụ thư thoại; + Dịch vụ fax gia tăng giá trị; + Dịch vụ truy nhập Internet	6190
129.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường(Điều 20- Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014) - Khảo sát địa hình: khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình - Dịch vụ tư vấn đấu thầu và lập hồ sơ mời thầu - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình - Hoạt động đo đạc và bản đồ	7110
130.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
131.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
132.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299
133.	Quảng cáo	7310
134.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
135.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
136.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
137.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
138.	Đại lý du lịch	7911

139.	Điều hành tua du lịch	7912
140.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
141.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
142.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
143.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
144.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
145.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
146.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
147.	Hoạt động thể thao khác	9319
148.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
149.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; - Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà thầu khoán các sự kiện trình diễn trực tiếp nhưng không phải là các sự kiện nghệ thuật hoặc thể thao, có hoặc không có cơ sở	9329

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN HỮU TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/08/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086014377

Ngày cấp: 19/09/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 56 ngõ 57, Tổ dân phố 1, Đường Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 56 ngõ 57, Tổ dân phố 1, Đường Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/08/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086014377

Ngày cấp: 19/09/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 56 ngõ 57, Tổ dân phố 1, Phố Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 56 ngõ 57, Tổ dân phố 1, Phố Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội